TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2018/HSST.
Ngày: 13-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Lê Thị Chiến.

Các Hội thẩm nhân nhân:

1. Bà Lê Hồng Nhung
2. Ông Lò Văn Quốc

- ***Thư ký phiên toà***: bà Trần Thị Mai- Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La*** *tham gia phiên toà*: ông Lò Việt Cường – kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC mở phiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 85/2018/HSST ngày 20 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2018/QĐXXST-HS ngày 29-3-2018 đối với bị cáo:

Lò Văn Th; tê**n** gọi khác: ***Lò Văn T***; sinh ngày 11/07/1985 tại xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản NT, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 5/12; con ông Lò Văn P, sinh năm: 1957 và bà Quàng Thị O, sinh năm: 1959; vợ là Hoàng Thị L (đã ly hôn) và có 02 con, lớn nhất 05 tuổi, nhỏ nhất 03 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có; bắt tạm giam giữ từ ngày 12/12/2017 đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 12/12/2017, Lò Văn Th đang đi chơi trong Bản LC, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La thì gặp một người đàn ông tên Tr (*Th không biết họ là gì và ở bản nào*) chỉ biết nhà ở xã CP, huyện TC, tỉnh Sơn La. Qua nói chuyện, Tr rủ Th góp tiền đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng, Th đồng ý. Tiếp đó, Tr đưa cho Th số tiền 30.000 đ (*Ba mươi nghìn đồng*), Th cầm tiền của Trường đưa, Trường đứng đợi ngoài đường, còn Th đi bộ một mình vào trong Bản LC, xã TM thì gặp và mua của một người phụ nữ dân tộc Thái (*Th không biết họ tên, tuổi,*

địa chỉ cụ thể) được một lượng heroin với giá 50.000 đ (*trong đó: 30.000 đ của Trường và 20.000 đ của Th góp*). Mua được heroin xong, Th cầm gói heroin ở phía bên tay trái quay lại chỗ Trường đợi, rồi Trường điều khiển xe mô tô, loại xe DREAM (*Th không nhớ BKS*) của Tr chở Th lên thị trấn TC, huyện TC để tìm nơi sử dụng. Khi Tr, Th đến một Hiệu thuốc tân dược thuộc Tiểu khu 5, thị trấn TC, Tr dừng xe và đưa cho Th số tiền 5.000 đ (*Năm nghìn đồng*) để mua 01 chiếc xi lanh dùng để tiêm chích ma túy. Khi Th cầm tiền đi vào hiệu thuốc thì bị Tổ công tác Công an huyện TC yêu cầu kiểm tra ma túy, phát hiện và thu giữ cùng tang vật. Còn Trường đã điều khiển xe mô tô bỏ chạy, Tổ công tác đuổi theo nhưng không bắt giữ được. Sau đó, Tổ công tác đã dẫn giải Lò Văn Th về Trụ sở UBND thị trấn TC để lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang (*BL: 30 - 42 hồ sơ*).

1/ Một gói nilon màu trắng bên trong có chứa một ít cục bột màu trắng nghi là heroin (*theo Th khai là heroin*).

2/ Tiền NHNN Việt Nam: 5.000 đ (*năm nghìn đồng*).

(*Gồm: Hai khoản*).

Hồi 14 giờ 00 gày 12/12/2017, tại Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La đã tiến hành cân tịnh số bột màu trắng nghi là heroin bên trong 01 gói nilon màu trắng có trọng lượng 0,18 gam, rút: 0,05 gam ký hiệu T1 gửi giám định, còn lại: 0,13 gam ký hiệu T2 nhập kho vật chứng. Tại Kết luận giám định số: 83/KLMT ngày 14/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: "*Mẫu giám đinh ký hiệu T1 là chất ma túy; Loại chất Heroin; Trọng lượng của mẫu gửi giám định là 0,05 gam. Tổng trọng lượng chất ma túy thu giữ được là 0,18 gam, loại chất heroin*" (Mẫu gửi giám định đã sử dụng hết trong quá trình giám định) và Kết luật giám định số: 34/KLGĐ ngày 22/12/2017: "*Một tờ tiền VNĐ mệnh giá 5.000 đ (Năm nghìn đồng)... là tiền thật*". (*BL: 18 - 24 hồ sơ*).

Tại phiên tòa, lời khai, lời trình bày ý kiến của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án như: biên bản hỏi cung bị can; biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ, niêm phong, mở niêm phong vật chứng của vụ án để lấy mẫu giám định; kết luận giám định.

Bản cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 19-3-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La đề nghị truy tố bị can Lò Văn Th về tội tàng trữ trái phép chất ma tuý theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lò Văn Th về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn Th phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma tuý.

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn Th từ 14 tháng đến 20 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 12-12-2017 (là ngày bắt giam giữ bị cáo).

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo

Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tuyên tịch thu tiêu hủy: 0,13 g chất ma túy, loại chất Heroin, ký hiệu T2; tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 5.000 đồng (năm nghìn đồng)

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo Lò Văn Th: Nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị truy tố, xét xử bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Nay bị cáo đã thực sự nhận ra lỗi lầm, bị cáo rất ân hận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo xin miễn hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TC Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi tàng trữ trái phép là 0,18 gam hê rôn in của bị cáo Lò Văn Th nhằm mục đích sử dụng cho bản thân là vi phạm pháp luật. Bởi, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi mua, tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999 như quan điểm truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC.

Tại Điều 194 BLHS năm 1999 quy định:

“ 1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma tuý hoặc chiếm đoạt chất ma tuý, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện vào ngày 12-12-2017 chịu sự điều chỉnh của Bộ luật hình sự năm 1999. Nhưng đến thời điểm tòa án xét xử Bộ luật hình sự 2015 đã có hiệu lực pháp luật và mức hình phạt đối với tội Tàng trữ trái phép ma túy theo Bộ luật hình sự năm 2015 thấp hơn, có lợi hơn cho bị cáo so với Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại Điều 249 BLHS năm 2015 quy định:

“1. *Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

……

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

……

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

Theo Nghị quyết 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 đối với bị cáo Lò Văn Th để xét xử theo hướng có lợi cho bị cáo, tạo cơ hội cho bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma tuý và là nguyên nhân làm gia tăng những tệ nạn xã hội và tội phạm hình sự, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội và an ninh quốc gia. Do đó cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 có mức hình phạt từ 01 đến 05 năm đối với bị cáo Lò Văn Th.

[4] Xét nhân thân bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ tác hại của ma túy nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn cố ý phạm tội nên cần có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật trong việc đấu tranh với tệ nạn ma túy. Cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Bị cáo đang bị tạm giam, cần tiếp tục giam giữ bị cáo trong hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tàng trữ lượng ma túy không lớn, mục đích chỉ để sử dụng cho bản thân; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999

[6] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự 1999

[7] Đối với hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 194 BLHS. Xét thấy bị cáo không có khả năng thi hành nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng.

[8] Về vật chứng: Đối với 0,13 g chất ma túy, loại chất Heroin, ký hiệu T2 là vật nhà nước cấm lưu hành cần áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999 và Điều 106 BLTTHS năm 2015 tịch thu tiêu hủy.

[9] Đối với nam thanh niên tên Trường theo lời khai của Lò Văn Th thì Trường là người rủ Th góp tiền đi mua ma túy mang về cùng nhau sử dụng. Qúa trình điều tra xác định Th không biết họ, tuổi và địa chỉ cụ thể của Trường ở bản nào của xã CP, huyện TC, tỉnh Sơn La. Do chỉ có duy nhất lời khai của Th, ngoài ra không có chứng cứ nào khác nên Cơ quan CSĐT Công an huyện TC không có đủ căn cứ xử lý đối tượng Trường.

[10] Về nguồn gốc heroin, Lò Văn Th khai mua của một người phụ nữ dân tộc Thái ở Bản Lọng Cại, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La. Qúa trình điều tra xác định được Th không biết họ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người phụ nữ trên. Do chỉ có duy nhất lời khai của Th, ngoài ra không có chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra không đề cập vấn đề xử lý, cần chấp nhận.

[11] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn Th (tên gọi khác: Lò Văn T) phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma tuý.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lò Văn Th (tên gọi khác: Lò Văn T) 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 12-12-2017 (là ngày bắt giam giữ bị cáo).

3. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999 và Điều 106 BLTTHS năm 2015 tuyên: tịch thu tiêu hủy: 0,13 g chất ma túy, loại chất Heroin, ký hiệu T2; tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 5.000 đồng (năm nghìn đồng)

4. Án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lò Văn Th (tên gọi khác: Lò Văn Thuyên) phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo

Áp dụng Điều 331, 333 BLTTHS năm 2015 báo cho bị cáo Lò Văn Th (tên gọi khác Lò Văn T) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La
- CA huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã TM, huyện TC;
- Bị cáo;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Thị Chiến

- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.